

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Số: **187**/HĐND-CTHĐND

V/v gửi lại Phụ lục kèm theo Nghị
quyết số 19/2021/NQ-HĐND
ngày 17/9/2021 đã được thông qua
tại Kỳ họp thứ 3 - HĐND tỉnh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tiền Giang, ngày **30** tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 27/9/2021, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phát hành các nghị quyết đã được thông qua tại Kỳ họp thứ 3 - HĐND tỉnh.

Tuy nhiên, do có sai sót trong quá trình chỉnh sửa nên thiếu trang 2, 3 của Phụ lục I của Nghị quyết quy định về đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025.

Để thuận lợi trong việc nghiên cứu, giám sát và tổ chức triển khai thực hiện, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi lại Nghị quyết quy định về đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025.

Rất mong quý đại biểu HĐND tỉnh và các cơ quan thông cảm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UB. Thường vụ Quốc hội; ✓
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Y tế, LĐTB&XH,
- Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh.
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CVP, PCVP (đ/c Hiền);
- Phòng: CTHĐND; HCTCQT;
- Lưu: VT, Hồng.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Nguyên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **19** /2021/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày **17** tháng **9** năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định về đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1246/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030;

Xét Tờ trình số 194/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS

trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 48/BC-HĐND ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nhiễm HIV/AIDS; người có hành vi nguy cơ nhiễm HIV/AIDS;

b) Nhân viên y tế và nhân viên cộng đồng;

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2021-2025

1. Mục tiêu cụ thể

a) Đảm bảo tỷ lệ người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng HIV của mình đạt 90% vào năm 2025;

b) Đảm bảo tỷ lệ người nhiễm HIV biết tình trạng HIV được điều trị ARV đạt 90% năm 2025;

c) Đảm bảo tỷ lệ người nhiễm HIV điều trị thuốc ARV có tải lượng HIV dưới ngưỡng ức chế đạt ít nhất 95% năm 2025;

d) Đảm bảo duy trì 100% số người nhiễm HIV có thẻ Bảo hiểm y tế được chi trả theo quy định.

2. Kinh phí thực hiện

a) Hàng năm, ngân sách tỉnh cân đối từ nguồn sự nghiệp y tế để hỗ trợ thực hiện các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025 là 15.496.689.000 đồng (Mười lăm tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn đồng).

b) Ngân sách được bố trí cho các nội dung sau:

- Hoạt động dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS;
- Điều trị HIV/AIDS;
- Hoạt động giám sát, theo dõi đánh giá và xét nghiệm;
- Tăng cường năng lực hệ thống (tập huấn, giám sát hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ thông tin, trang thiết bị, văn phòng phẩm).

(Phụ lục I, II chi tiết kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa X, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 9 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Y tế, LĐTB&XH, Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Võ Văn Bình

Phụ lục I
KINH PHÍ CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí
A	Hoạt động Dự phòng và Can thiệp giảm tác hại				
1	Điều trị Methadone	Bệnh nhân	255	1.975.816	503.833.080
2	Phân phát Bơm kim tiêm	Đối tượng	204	202.960	41.403.840
3	Bao cao su cho đối tượng nghiện chích ma túy	Đối tượng	204	48.710	9.936.840
4	Cung cấp bao cao su cho phụ nữ bán dâm	Đối tượng	81	389.683	31.564.323
5	Bao cao su và chất bôi trơn cho Nam quan hệ tình dục đồng giới	Đối tượng	432	708.736	306.173.952
6	Bao cao su và chất bôi trơn cho đối tượng chuyển giới	Đối tượng	17	713.607	12.131.319
7	Cung cấp bao cao su cho người nhiễm HIV	Đối tượng	420	48.710	20.458.200
8	Truyền thông phòng, chống HIV/AIDS thông qua hình thức website và hợp đồng với một số trang mạng để tiếp cận truyền thông cho các nhóm có hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV cao	Lượt	1	2.000.000	2.000.000
9	Chi hoạt động tuyên truyền của huyện (chiến dịch lây truyền mẹ con 1/6 và Chiến dịch Ngày thế giới PC AIDS 1/12): 11 huyện x 4,000,000đ	huyện	11	4.000.000	44.000.000



10	Tuyên truyền Tháng Dự phòng lây truyền mẹ con (tháng 6/2021): 1,000,000đ/xã x 172 xã	xã	172	1.000.000	172.000.000
11	Tuyên truyền tháng Chiến dịch 1/12: 1,000,000đ/xã x 172 xã	xã	172	1.000.000	172.000.000
	Tổng cộng				1.315.501.554
B	Điều trị HIV/AIDS				
1	Hỗ trợ điều trị (thuốc nhiễm trùng cơ hội, xét nghiệm...), đồng chi trả ARV (bậc 1, 2, trẻ em, trẻ sơ sinh).		2.503	530.496	1.327.831.488
2	Hỗ trợ mua thẻ BHYT		203	950.396	192.930.388
	Tổng cộng				1.520.761.876
C	Giám sát, theo dõi đánh giá và xét nghiệm				
	HIV testing (Xét nghiệm nhanh)	Test	2.037	82.300	167.645.100
	HIV testing (Xét nghiệm khẳng định)	Test	369	215.866	79.654.554
	Tổng cộng				247.299.654
D	Tăng cường năng lực hệ thống				
1	Hỗ trợ kỹ thuật tuyến tỉnh (lượt)		1	1.558.400	1.558.400
2	Hỗ trợ kỹ thuật tuyến huyện (lượt)		21	2.455.816	51.572.136



3	Đào tạo điều trị (Tuyển huyện)		1	12.887.960	12.887.960
4	Đào tạo can thiệp (Tuyển huyện)		1	12.887.960	12.887.960
5	Đào tạo giám sát, theo dõi số liệu (Tuyển huyện)		1	12.887.960	12.887.960
	Tổng cộng				91.794.416
	Tổng cộng (A+B+C+D)				3.175.357.500

Ghi chú: ước tính mỗi năm tăng 1.5%.





Phụ lục II
KINH PHÍ CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS
GIẢI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Đơn vị tính: 1000 đồng

Nội dung hoạt động	KINH PHÍ PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS (2021 - 2025)				
	2021 (đã cấp)	2022	2023	2024	2025
Dự phòng lây nhiễm HIV	564.240	1.315.502	1.335.235	1.355.263	1.375.592
Điều trị HIV/AIDS	1.653.201	1.520.762	1.543.573	1.566.727	1.590.228
Giám sát, theo dõi đánh giá và xét nghiệm	276.500	247.300	251.010	254.775	258.596
Tăng cường năng lực hệ thống	12.665	91.794	93.171	94.568	95.987
Tổng kinh phí	2.506.606	3.175.358	3.222.989	3.271.333	3.320.403
Tổng kinh phí 05 năm:			15.496.689		

Ghi chú: ước tính mỗi năm tăng 1.5%.